

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG: Nghiên cứu điển hình ở xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

PGS.TS. Lê Thu Hoa, Th.s Ngô Thanh Mai

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: thanhmai_ngo@yahoo.com

Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (QLCTRSH) dựa vào cộng đồng - khuyến khích các thành viên trong cộng đồng tham gia hoạt động quản lý một cách chủ động và nhận trách nhiệm đối với các hoạt động lập kế hoạch, thực hiện, giám sát các nội dung QLCTR. Đây là một cách tiếp cận mới phù hợp với xu hướng tăng cường xã hội hóa và trao quyền đồng thời đem lại nhiều lợi ích chung cho cộng đồng và nhà quản lý. Bài viết này nhận diện và phân tích nghiên cứu điển hình cụ thể về mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng ở xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội trên các khía cạnh môi trường, kinh tế, xã hội và quản lý. Căn cứ vào các phân tích này, một số giải pháp được đề xuất nhằm xây dựng và duy trì mô hình theo hướng bền vững.

Từ khóa: chất thải rắn, chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải dựa vào cộng đồng

1. Tổng quan về Quản lý CTRSH dựa vào cộng đồng

Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (QLCTRSH) dựa vào cộng đồng là một quá trình khuyến khích các thành viên trong cộng đồng tham gia hoạt động quản lý một cách chủ động và nhận trách nhiệm đối với các hoạt động lập kế hoạch, thực hiện, giám sát các nội dung QLCTRSH. Bản chất của QLCTRSH dựa vào cộng đồng là các thành viên trong cộng đồng hoặc đại diện của họ có trách nhiệm, có quyền lực quyết định làm cái gì, thực hiện như thế nào và trực tiếp tiến hành các hoạt động quản lý, duy trì dịch vụ QLCTRSH (gồm thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý CTRSH) để đem lại lợi ích cho các thành viên trong cộng đồng. Đây là một cách tiếp cận quản lý mới phù hợp với xu hướng tăng cường xã hội hóa và trao quyền.

Tuy nhiên, QLCTRSH dựa vào cộng đồng không có nghĩa là toàn bộ các thành viên trong cộng đồng chịu trách nhiệm về mọi khía cạnh của dịch vụ, cũng không phải toàn bộ các công việc là tự nguyện. Vai trò của cơ quan chính quyền và chuyên môn vẫn thực sự cần thiết trong việc đưa ra khung pháp lý và có những hỗ trợ nhất định về tài chính, chuyên môn

cho các dịch vụ mà cộng đồng quản lý.

Ý nghĩa của quản lý CTRSH dựa vào cộng đồng

Cách tiếp cận QLCTRSH dựa vào cộng đồng trao quyền cho người dân có thể tự duy trì các dịch vụ CTRSH nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng, kiểm soát ô nhiễm môi trường, tăng cường kinh tế địa phương thông qua hoạt động tái sử dụng và tái chế chất thải. Thực tế ở một số quốc gia trên Thế giới và Việt Nam cho thấy, những lợi ích của mô hình đem lại cho cộng đồng và cơ quan quản lý bao gồm:

- Tăng cường tính dân chủ và công bằng khi vai trò của cộng đồng được nâng cao; các hộ gia đình, các cá nhân phát sinh chất thải và chịu ảnh hưởng trực tiếp của chất thải cùng tham gia trong quá trình ra quyết định, trong cung cấp dịch vụ QLCTR, chia sẻ phúc lợi của mô hình và cùng liên quan trong nỗ lực đạt được các giá trị của mô hình;

- Nâng cao tính hiệu quả, giảm chi phí quản lý: xét về lâu dài thì chi phí của chính phủ sẽ giảm đi do có sự chia sẻ trách nhiệm quản lý, sự đóng góp nguồn lực của cộng đồng. Đặc biệt, chi phí giám sát, kiểm tra sẽ giảm khi các quy chế quản lý được xây dựng có tính phù hợp cao và sự tuân thủ tăng lên;

- Giảm bớt khó khăn cho chính quyền và cơ quan

quản lý môi trường địa phương, góp phần xây dựng mối quan hệ và lòng tin vững chắc hơn với cộng đồng địa phương và người trực tiếp sử dụng dịch vụ CTRSH, từ đó hạn chế các mâu thuẫn, vi phạm và những thách thức cho cơ quan quản lý;

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng và cơ quan quản lý về thực trạng, ảnh hưởng/tác động của CTRSH nói riêng, các vấn đề môi trường nói chung thông qua việc học hỏi, chia sẻ những hiểu biết và kinh nghiệm cũng như phương thức làm việc và trao đổi thông tin;

- Thêm nhiều cơ hội xây dựng chiến lược QLCTRSH bền vững hơn: quá trình tham gia sẽ góp phần xây dựng và chia sẻ ý tưởng, quan điểm, trách nhiệm cũng như nâng cao mối liên hệ, phát triển kỹ năng và kiến thức về sự tham gia trong tương lai.

2. Thực trạng mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng ở xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

2.1. Giới thiệu về địa điểm nghiên cứu

Sài Sơn là một xã nông nghiệp, nằm ở phía Bắc của huyện Quốc Oai, Hà Nội; tiếp giáp ranh giới với 11 xã của 4 huyện Hoài Đức, Phúc Thọ, Thạch Thất và Quốc Oai. Xã có diện tích khoảng 10 km² được chia thành 6 thôn và 41 xóm.

Trong những năm qua, Sài Sơn đã duy trì được sự tăng trưởng kinh tế tương đối cao, 10,6%/năm trong giai đoạn 2006– 2010; thu nhập bình quân đầu người đạt 11,45 triệu đồng/năm.

Dân số ở xã Sài Sơn có quy mô và tốc độ tăng

cao. Tính đến tháng 5 năm 2011 toàn xã có 18.718 nhân khẩu, chia thành 4.170 hộ. Tốc độ tăng dân số trung bình là 1,3%/năm, cao hơn so với mặt bằng chung 1,0%/ năm ở Hà Nội.

Tăng trưởng kinh tế và gia tăng dân số nhanh được xem như 2 nhân tố chính làm cho hiện trạng môi trường ở địa bàn xã có xu hướng xấu đi, trong đó đáng quan ngại là vấn đề CTRSH.

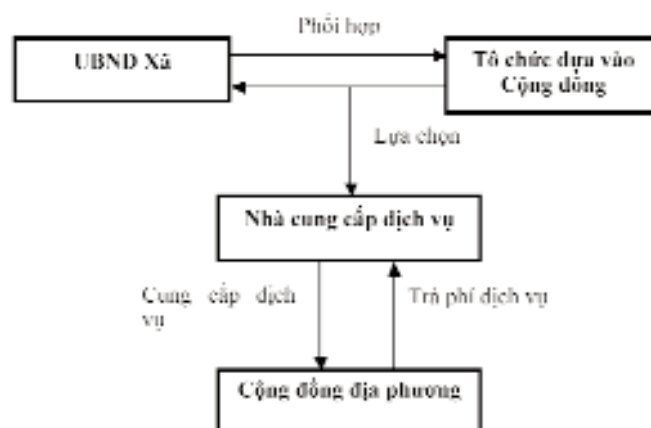
2.2. Mô hình quản lý CTRSH dựa vào cộng đồng ở xã Sài Sơn

Trước năm 2006, không có một tổ chức/ cá nhân ở xã Sài Sơn chịu trách nhiệm về công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH. Hoạt động QLCTRSH diễn ra một cách tự phát. Các hộ gia đình tự thu gom rác thải, vận chuyển, đốt, chôn lấp hoặc đơn giản là vứt rác trong vườn, tại một khu đất trống hay ao hồ.

Cùng với quá trình phát triển ở địa phương, người dân ngày càng nhận thức được những ảnh hưởng tiêu cực của CTRSH tới môi trường và sức khỏe. Sài Sơn có sự thay đổi lớn khi quyết định tiến hành mô hình thu gom do cộng đồng tự lập, tự làm, và tự duy trì. Mô hình bắt đầu được hoạt động vào năm 2006 theo phương thức: từng thôn sẽ cử ra 1-2 người thu gom CTRSH và đổ tập trung tại một điểm quy định; các hộ gia đình trong thôn sẽ đóng một khoản tiền (thời điểm năm 2006 là 1.000 đồng/người/tháng) để thù lao cho người đi thu gom.

Mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng ở Sài Sơn là mô hình tiêu biểu cho sự kết hợp giữa chính

Hình 1: Mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng ở xã Sài Sơn



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu từ kết quả điều tra

quyền địa phương và cộng đồng trong công tác QLCTRS. Các bên tham gia mô hình và vai trò của họ được thể hiện trong hình 1, bao gồm:

- *Cộng đồng địa phương*: bao gồm toàn bộ các hộ gia đình trên địa bàn xã, là người thụ hưởng dịch vụ, có trách nhiệm trả một khoản phí nhất định cho dịch vụ thụ hưởng, có quyền đánh giá và phản ánh về chất lượng dịch vụ QLCTRS tới Tổ chức dựa vào cộng đồng.

- *Tổ chức dựa vào cộng đồng (CBO)*: là bên có tiếng nói quan trọng trong mô hình. CBO bao gồm: trưởng thôn và đại diện chi hội phụ nữ của từng thôn. Tổ chức thực hiện hoạt động quản lý bao gồm: lựa chọn người cung cấp dịch vụ, thiết kế dịch vụ và đề nghị người cung cấp dịch vụ thực hiện đúng yêu cầu của mình. CBO phối hợp với UBND xã và tham vấn ý kiến của hộ gia đình để quyết định mức phí thu của từng hộ gia đình.

- *UBND xã Sài Sơn* đóng vai trò thứ yếu trong mô hình: không hỗ trợ về kỹ thuật và cũng không đủ tiềm lực để hỗ trợ tài chính. Tuy nhiên, UBND có vai trò vận động từng cá nhân trong cộng đồng ủng hộ và nghiêm chỉnh thực hiện hoạt động QLCTRS. UBND cũng đóng vai trò trung gian, hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp có thể phát sinh trong quá trình thực hiện.

- *Nhà cung cấp dịch vụ* có thể là 1 hoặc một nhóm người tùy theo quy mô, diện tích và số dân của từng thôn, được CBO lựa chọn và có trách nhiệm cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp có thể thu phí trực tiếp từ hộ gia đình hoặc nhận phí thông qua trưởng thôn.

2.3. Một số kết quả của mô hình

Trên cơ sở các thông tin/dữ liệu thu thập từ khảo sát thực tế tại Sài Sơn, kết hợp điều tra, phỏng vấn 70 hộ gia đình trong xã, các kết quả thực hiện mô hình QLCTRS dựa vào cộng đồng ở xã Sài Sơn được nhóm nghiên cứu xem xét và phân tích trên 4 khía cạnh: Môi trường, Kinh tế, Xã hội và Thể chế.

* *Khía cạnh Môi trường*

- Tăng tỷ lệ thu gom CTRSH: từ chỗ CTRSH không được quản lý, đến nay tỷ lệ được thu gom ở Sài Sơn đạt 86,8%, cao hơn tỷ lệ trung bình 80–82% ở các đô thị và 55–60% tại các vùng nông thôn trên toàn quốc. Tỷ lệ thu gom chất thải cao sẽ đem

lại những tác động tích cực cho môi trường và sức khỏe cộng đồng. Lượng rác thải tồn đọng trên hè phố, trong cộng đồng dân cư, các khu vực công cộng, ao hồ sông suối đã giảm đáng kể, hạn chế khả năng ô nhiễm môi trường nước, không khí và đất, giảm nguồn trung gian gây bệnh và tạo cảnh quan đẹp cho cộng đồng.

- Tăng tỷ lệ CTR được tái chế/tái sử dụng: tái chế/tái sử dụng chất thải là hoạt động kinh tế đem lại nguồn thu cho hộ gia đình, tiết kiệm chi phí thu gom/vận chuyển và chôn lấp cho xã hội. Dưới góc độ môi trường, tái chế/tái sử dụng góp phần phục hồi tài nguyên và làm giảm ngoại ứng tiêu cực từ hoạt động chôn lấp rác thải. Tại Sài Sơn, hiện có gần 30% hộ gia đình tham gia vào hoạt động tái chế. Một số hộ gia đình cho biết, thu nhập từ hoạt động này dao động 500.000–1.000.000 đồng/tháng. Tỷ lệ chất thải được tái chế/tái sử dụng khoảng 28,3%, cao hơn so với tỷ lệ này ở Hà Nội là 18 – 22%.

- Mối quan tâm của người dân đến tác động tiềm ẩn của CTRSH đến sức khỏe và ô nhiễm môi trường: một điều có thể nhận thấy là hầu hết các hộ gia đình ở Sài Sơn nhận thức khá rõ tác động tiêu cực đến sức khỏe nếu CTRSH không được thu gom, lưu giữ và xử lý hợp vệ sinh. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy hộ gia đình rất quan tâm đến các điểm tập kết rác thải có thể trở thành môi trường trung gian truyền bệnh. Một số hộ quan tâm đến vấn đề chôn lấp rác thải có thể ảnh hưởng cuộc sống của người dân xung quanh. Tuy nhiên, khi đề cập ảnh hưởng của CTRSH đến các thành phần môi trường khác (nước, không khí, đất) thì khoảng 1/5 (19,5%) hộ gia đình không quan tâm đến ảnh hưởng của

Bảng 1: Nhận thức của hộ gia đình về tác động của CTRSH

Mức độ quan tâm	Tỷ lệ quan tâm đến rủi ro sức khỏe do chất thải không được thu gom (%)	Tỷ lệ quan tâm đến ô nhiễm môi trường (nước, đất, không khí...) do vứt rác không đúng quy định (%)
Rất quan tâm	71,3	22,1
Quan tâm	25,5	26,8
Bình thường	3,2	31,6
Ít quan tâm	0,0	19,5
Không quan tâm	0,0	0,0

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu từ kết quả điều tra

CTRSH đến môi trường nước, không khí.

- Nâng cao nhận thức của hộ gia đình về tầm quan trọng của QLCTRSH ở địa phương: kết quả phỏng vấn hộ gia đình ở Sài Sơn cho thấy: 75,8% hộ gia đình đặt vị trí ưu tiên QLCTRSH hàng đầu; 18,7% cho rằng QLCTRSH là quan trọng; 5,5% cho rằng QLCTRSH là việc bình thường; đặc biệt, không có bất cứ hộ gia đình được hỏi nào cho rằng QLCTRSH là không hoặc ít quan trọng. Lý do mà các hộ đưa ra là QLCTRSH tốt sẽ tạo ra môi trường trong lành, xóa bỏ các nguồn gốc gây dịch bệnh và tạo cảnh quan đẹp cho xã. Kết quả từ cuộc phỏng vấn sâu cán bộ địa phương cho thấy: trước năm 2006, ý thức của người dân về BVMT còn khá thấp, đa phần người dân cho rằng rác thải không ảnh hưởng gì đến môi trường, sức khỏe và cuộc sống của họ. Điều này cho thấy sự thay đổi đáng kể trong nhận thức về môi trường của một cộng đồng chủ yếu làm nghề nông như Sài Sơn.

** Khía cạnh xã hội*

- Tạo việc làm cho một số lao động địa phương: mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng ở Sài Sơn đã đem lại cơ hội việc làm cho 18 lao động địa phương (chiếm 86% trên tổng số 21 lao động của tổ thu gom rác thải). Người lao động được ký hợp đồng lao động tạm thời với Chủ tịch UBND xã và trưởng nhóm CBO. Tuy số lao động không nhiều nhưng trong tương lai, khi các yêu cầu về xử lý/ tái chế CTR tăng lên, số lượng việc làm được kỳ vọng sẽ tăng thêm.

2.4. Một số hạn chế của mô hình

** Khía cạnh kinh tế/ tài chính*

- Tài chính là yếu tố quan trọng để duy trì hoạt động của mô hình dựa vào cộng đồng, để trang trải cho các chi phí đầu tư (mua phương tiện, thiết bị....) và chi phí vận hành (trả lương cho công nhân thu gom, bảo dưỡng công cụ...). Tại Sài Sơn, các chi phí về dụng cụ lao động và phương tiện vận chuyển được trích từ quỹ của thôn. Toàn bộ các khoản phí thu từ hộ gia đình được dùng để trả thù lao cho nhà cung cấp dịch vụ. Tuy vậy, khoản tiền này cũng không đủ lớn để tạo động cơ kinh tế cho họ, CBO phải trích quỹ của thôn để hỗ trợ tài chính cho người cung cấp dịch vụ (từ năm 2010 đến nay, mức phí vệ sinh là 2.500 đồng/người/tháng, tạo ra khoản thu

45.445.000 đồng, tương ứng 106,8% chi phí cho lao động thu gom và vận chuyển sơ cấp là 42.536.520 đồng - 75.000 đồng/tấn). Trong dài hạn, nếu đơn vị cung cấp dịch vụ không được đầu tư về dụng cụ và phương tiện thu gom thì doanh thu từ phí vệ sinh không đủ để bù đắp chi phí. Như vậy, khả năng bền vững về tài chính ở mô hình xã Sài Sơn vẫn là một vấn đề chưa có câu trả lời. Thực tế này có thể làm giảm động lực cung cấp dịch vụ CTRSH cho cộng đồng, chất lượng dịch vụ cũng sẽ bị ảnh hưởng, chứa đựng nguy cơ không ổn định và bền vững của cả mô hình

- Sự sẵn lòng đóng góp tài chính cho hoạt động thu gom CTRSH: ở Sài Sơn mức phí thu gom là 2.500 đồng/ người/tháng, và cá nhân/tổ chức cung cấp dịch vụ là người trực tiếp thu phí. Mức phí 36.000 đồng/ người/ năm chiếm một tỷ lệ khá nhỏ nếu so với mức thu nhập bình quân 11.450.000 đồng/người/năm trong toàn xã. Tuy vậy, vẫn có một

Bảng 2: Mức độ hài lòng của hộ gia đình về dịch vụ thu gom CTRSH

Mức độ hài lòng	Tỷ lệ hài lòng của hộ gia đình về tần suất và thời gian thu gom CTRSH (%)	Tỷ lệ hài lòng của hộ gia đình về mức phí thu gom CTRSH (%)
Rất hài lòng	73,4	83,1
Hài lòng	19,2	6,2
Bình thường	7,1	4,5
Không hài lòng	0,3	6,2
Hoàn toàn không hài lòng	0,0	0,0

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu từ kết quả điều tra

số hộ cho rằng rác thải từ hộ gia đình đã được tái chế, tái sử dụng, phần còn lại đem đốt ở bãi đất trống, nên hộ không có trách nhiệm đóng phí. Đây là một hạn chế đáng kể trong nhận thức của người tiêu dùng vì thực tế, việc thu gom vẫn phải thực hiện đối với các hộ này.

** Khía cạnh môi trường và xã hội*

- Phạm vi hoạt động của mô hình mới chỉ tập trung chủ yếu ở 2 phân đoạn chính trong quản lý CTRSH là thu gom và vận chuyển sơ cấp từ nguồn phát sinh đến nơi tập kết. Các phân đoạn khác gồm:

vận chuyển thứ cấp (từ nơi tập kết đến bãi chôn lấp), và xử lý rác thải vẫn dựa vào sự hỗ trợ của chính quyền Thành phố.

- Mặc dù tỷ lệ CTRSH được thu gom ở Sài Sơn cao hơn tỷ lệ trung bình ở nhiều đô thị và vùng nông thôn nhưng vẫn chưa cao so với các khu vực ven đô của Hà Nội và chưa đáp ứng mục tiêu chung của công tác quản lý CTRSH trên toàn quốc.

- Mức độ hài lòng của cộng đồng về dịch vụ thu gom rác chưa cao: sự hài lòng về chất lượng dịch vụ thu gom được thể hiện ở (i) hài lòng về tần suất thu gom; (ii) hài lòng về thời gian thu gom; (iii) hài lòng về mức phí thu gom và (iv) hài lòng về phương thức thu gom. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy người dân Sài Sơn mong muốn tần suất thu gom 1 lần/ngày thay vì 2-3 ngày/lần như hiện nay để hạn chế thời gian lưu trữ rác thải trong gia đình, từ đó giảm nguy cơ dịch bệnh lây lan qua rác thải. Mức độ hài lòng chưa cao cũng là một trong những nguyên nhân của việc mức sẵn lòng đóng góp cho mô hình còn thấp.

* *Khía cạnh Quản lý*

- Sự tuân thủ các quy định về hoạt động thu gom CTRSH còn hạn chế: hộ gia đình thường thể hiện sự sẵn lòng tham gia vào hoạt động thu gom bằng cách tuân thủ nghiêm túc lịch trình, quy tắc, thời gian, địa điểm thu gom. Thực tế cho thấy sự tuân thủ ở Sài Sơn chưa thực sự cao, vẫn tồn tại lượng rác thải chưa được thu gom (chiếm 13,2% lượng rác phát sinh). Thực trạng này bắt nguồn từ một số nguyên nhân: (1) do tần suất thu gom chưa cao (2-3 ngày/lần) nên lượng rác thải tồn đọng khá lớn; (2) thời gian thu gom không cố định nên hộ gia đình không biết chính xác thời điểm thu gom; (3) ý thức của một bộ phận người dân còn chưa cao- kết quả khảo sát của dự án phân loại rác thải tại nguồn cho thấy khoảng 13,4% hộ gia đình bị nhắc nhở do đổ rác chưa đúng nơi quy định.

- Sự minh bạch đối với cộng đồng chưa thể hiện rõ: sự minh bạch là nhân tố quan trọng duy trì thành công và bền vững của mô hình QLCTRS dựa vào cộng đồng. Đối với mô hình ở Sài Sơn, sau một thời gian dài hoạt động, một biên bản ghi nhớ về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm giữa UBND xã, các CBO, người thực hiện dịch vụ và từng hộ gia đình trong cộng đồng chưa được hoàn thành. Điều này gây khó

khăn, chông chéo cho các bên khi thực hiện nghĩa vụ của mình. Mặt khác, ở Sài Sơn hiện không có cơ chế giám sát việc thực thi/đánh giá chất lượng dịch vụ của cá nhân/tổ chức cung cấp. Do vậy, chất lượng dịch vụ là không thể xác định trong cơ cấu tổ chức QLCTRS ở xã Sài Sơn.

Kết quả phân tích mô hình QLCTRS dựa vào cộng đồng ở Sài Sơn đã đưa ra một bức tranh đa chiều về mô hình quản lý. Có thể thấy rằng, mô hình này tương đối hiệu quả xét trên khía cạnh môi trường và xã hội khi đã đem lại những thay đổi tích cực về hiện trạng môi trường và tạo ra được việc làm cho người dân địa phương. Tuy nhiên, mô hình còn chứa đựng nhiều điểm không bền vững trên khía cạnh kinh tế/ tài chính do lợi ích và chi phí của nhà cung cấp dịch vụ mất cân bằng, sự sẵn lòng đóng góp tài chính còn hạn chế. Ở khía cạnh xã hội, mức độ hài lòng của cộng đồng về dịch vụ thu gom còn chưa cao. Bên cạnh đó, sự tuân thủ và tính minh bạch dưới góc độ quản lý cũng là rào cản để mô hình được vận hành theo hướng bền vững.

3. Một số giải pháp chủ yếu nhằm duy trì mô hình QLCTRS dựa vào cộng đồng theo hướng bền vững

Những phân tích ở trên cho thấy, bên cạnh một số kết quả khá tốt ban đầu, mô hình QLCTRS dựa vào cộng đồng ở Sài Sơn cũng bộc lộ không ít hạn chế. Trong thời gian tới, để duy trì và bảo đảm tính bền vững của mô hình, một số giải pháp cần được quan tâm thực hiện.

3.1. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức

Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về sự cần thiết của QLCTRS và tính tất yếu của việc quản lý có sự tham gia là giải pháp cần thiết và đặc biệt quan trọng để đạt được sự thành công cho mô hình QLCTRS dựa vào cộng đồng.

Nâng cao nhận thức cho cộng đồng có thể được thực hiện thông qua các chương trình truyền thông, tuyên truyền, tổ chức các chương trình về môi trường như “sáng kiến 3R”, hoặc thành lập các câu lạc bộ môi trường.

Nâng cao nhận thức không phải là một giải pháp tạm thời; hơn thế, giải pháp này cần được nhìn nhận, đánh giá, thiết kế thực hiện trên quy mô lớn và dài hạn. Đây cũng là giải pháp này đòi hỏi sự tác động

liên tục tới các nhóm đối tượng khác nhau về tuổi, giới tính, thu nhập trong toàn bộ cộng đồng.

3.2. Nhóm giải pháp về tài chính

Như đã phân tích, tài chính là một khía cạnh chưa bền vững ở mô hình QLCTRSH dựa vào cộng đồng. Điểm mấu chốt là ở chỗ các dòng chi phí và lợi ích chưa được cân bằng trong mô hình. Do vậy, các giải pháp cần thực hiện như sau:

- Hình thành cơ chế hỗ trợ tài chính của chính quyền trung ương/địa phương cho các cộng đồng tự QLCTR. Cơ chế hỗ trợ là hết sức cần thiết vì kết quả phân tích cho thấy khả năng tự đảm bảo nguồn tài chính của cộng đồng là rất khó khăn, đặc biệt là cộng đồng ở khu vực nông thôn có mức thu nhập thấp. Hỗ trợ tài chính nên được thực hiện ở giai đoạn đầu khi mới thiết kế mô hình. Quy mô tài trợ nên được giới hạn bằng với chi phí đầu tư và sẽ được nhắc lại sau một thời gian sử dụng (3 – 5 năm). Như vậy, một sự chia sẻ về chi phí cung ứng dịch vụ QLCTRSH từ phía chính quyền sẽ giảm bớt gánh nặng về tài chính cho cộng đồng, tạo điều kiện để cộng đồng có thể hoạt động lâu dài;

- Mức phí thu gom nên được thực hiện một cách linh hoạt. Điều này có nghĩa là Chính phủ chỉ nên đưa mức phí ‘trần’, cộng đồng sẽ tự quyết định mức phí căn cứ vào thu nhập trung bình trong cộng đồng;

- Đưa ra các chế tài về tài chính đối với thành

viên trong cộng đồng vi phạm quy định về QLCTRSH. Đó có thể là việc không tuân thủ các quy định về thời gian/địa điểm thu gom rác, về nguyên tắc lưu trữ CTRSH và cao hơn là không tuân thủ các quy định về đóng góp tài chính. Chế tài nghiêm khắc được kỳ vọng sẽ hạn chế sự thất thoát các khoản thu phí;

- Địa phương nên trích lập một khoản quỹ hỗ trợ thường xuyên về tài chính để tạo thêm động lực cho các thành viên của CBO. Nguồn quỹ có thể từ sự hỗ trợ tài chính của chính quyền, sự đóng góp tự nguyện của các tổ chức/cá nhân trong và ngoài cộng đồng, thu từ các khoản phạt vi phạm, từ việc tổ chức các sự kiện văn hóa xã hội ở địa phương...

3.3. Nhóm giải pháp về quản lý

- Tăng cường năng lực của các bên tham gia trong mô hình. Tổ chức các chương trình đào tạo, thảo luận, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm quản lý giữa các thành viên của nhiều cộng đồng nhằm nâng cao kiến thức, kinh nghiệm và năng lực quản lý và tham gia;

- Đảm bảo tính minh bạch của mô hình, chính quyền địa phương nên đóng vai trò trung gian, yêu cầu các bên tham gia trong mô hình ký hợp đồng trong đó quy định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của từng bên. □

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011, 2012), *Báo cáo Môi trường Quốc gia năm 2010, 2011*.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2004), *Báo cáo Chất thải rắn Việt Nam*.
3. Nguyễn Đình Hương (chủ biên) (2006), *Kinh tế chất thải*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
4. Báo cáo kinh tế - xã hội xã Sài Sơn, các năm 2008, 2009, 2010.1. Anschutz, J., (1996), *Community-Based Solid Waste Management and Water Supply Projects: Problems and Solutions Compared: A survey of the literature*. UWEP Working Document 2
5. Klundert, A., van de., Lardinois, I., (1995), *Community and Private (Formal and Informal) Sector Involvement in Municipal Solid Waste Management in Developing Countries: background paper for UMP*. Gouda. John Wiley & Sons, New York.
6. Peter Schübeler (1996), *Conceptual Framework for Municipal Solid Waste Management in Low-income Country*, UNDP/UNCHS (Habitat)/World Bank/SDC Collaborative Programme on Municipal Solid Waste management in Low-Income.